

Bản án số: 104/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 31-8-2018  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;

Ông Phan Văn Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2018, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1965; thường trú: 17/7 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962; thường trú: 17/7 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Trần Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/CAX, quyển số 01, cấp ngày 20/7/1985. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc. Trong suốt quá trình sống 33 năm, ông Đ thường xuyên uống rượu, chửi bới, tra tấn tinh thần bà G. Bà G cố gắng nhẫn nhịn để

nuôi con khôn lớn. Nay bà G không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn để giải thoát cho bà.

Về con chung: Bà G và ông Đ có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/11/1985 và Trần Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 12/4/1997. Các con đã trưởng thành nên bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Văn Đ:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý yêu cầu ông Đ có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà G. Tuy nhiên, ông Đ không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông Đ tham gia hòa giải vào ngày 18/5/2018 nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do; bà G có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông Đ tham gia phiên tòa vào ngày 03/8/2018 và ngày 31/8/2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

*Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà G, ông Đ do Tòa án tiến hành ngày 04/4/2018, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, bà G không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn Đ đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 03/8/2018 và ngày 31/8/2018 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Trần Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/CAX, quyền số 01, cấp ngày 20/7/1985 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của bà G xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm tới bà G, bà G đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi cách giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả. Tòa án đã triệu tập ông Đ đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng nhưng ông Đ không đến. Đồng thời, bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà G yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà G, ông Đ có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/11/1985 và Trần Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 12/4/1997, các con đã trưởng thành đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị G không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 15, 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị G không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Giao đã nộp theo biên lai số 0010911 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND phường D (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hiền**